

Số: 1349189

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Luxury                      | New Mazda CX-8 2.5 Premium                     |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>969.000.000đ</b>                            | <b>1.049.000.000đ</b>                          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                                                |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4900 x 1840 x 1730                             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2930                                           |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           | 5800                                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 200                                            |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           | 1770                                           |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           | 2365                                           |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 209                                            |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             | 72                                             |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 7                                              |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước                               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                                                |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | SkyActiv-G 2.5L                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 2488                                           |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 188 / 6000                                     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 252 / 4000                                     |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 6AT                                            |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                | Cầu trước (FWD)                                |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | Độc lập Mc Pherson                             |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Liên kết đa điểm                               |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                                            |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                                            |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 225/55 R19                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 12.91                                          | 12.91                                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.73                                           | 6.73                                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.75                                           | 8.75                                           |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              | ●                                              |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                 | Normal / Sport                                 |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                                                |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED Projector                                  |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              | ●                                              |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   | Đèn thích ứng thông minh ALH                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              | ●                                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ●                                              |
| Đèn sương mù                                   | LED                                            | LED                                            |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                                            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                              | ●                                              |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                                              |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                              | ●                                              |

Trang bị khác

**NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

Vô lăng bọc da

Chất liệu ghế

Ghế người lái chỉnh điện

Ghế người lái có nhớ vị trí

Ghế hành khách phía trước chỉnh điện

Kính cửa sổ chỉnh điện

Màn hình HUD

Màn hình giải trí trung tâm

Kết nối Apple Carplay/Android Auto

Hệ thống điều hòa tự động

Số vùng khí hậu điều hòa

Cửa gió cho hàng ghế sau

Chìa khóa thông minh

Khởi động nút bấm

Hệ thống âm thanh

Phanh đỗ điện tử

Giữ phanh tự động Autohold

Rèm che nắng

Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX

**AN TOÀN:**

Số túi khí

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS

Hệ thống phân phối lực phanh EBD

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA

Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS

Hệ thống cân bằng điện tử

Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt  
TCS

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc  
HLA

Mã hóa chống sao chép chìa khóa

Hệ thống cảnh báo chống trộm

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe

Hệ thống cảnh báo điểm mù

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt  
ngang khi lùi

Camera lùi

Đèn pha thích ứng thông minh ALH

●

Da Nappa Nâu Đỏ

●

●

●

●

●

8"

● (Không dây)

●

3

●

●

●

10 loa Bose

●

●

Chỉnh tay

●

6

●

●

●

●

●

●

●

●

●

Trước/Sau

●

●

● (Camera 360)

Đèn pha thích ứng thông minh ALH

●

Da Nappa Nâu Đỏ

●

●

●

●

●

8"

● (Không dây)

●

3

●

●

●

10 loa Bose

●

●

Chỉnh tay

●

6

●

●

●

●

●

●

●

●

●

Trước/Sau

●

●

● (Camera 360)